TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08/4/2019
Về việc: "Không công nhận là vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Cường và ông Phan Sỹ Phác.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 về Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXX-ST ngày 20 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị L, sinh năm 1971, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1968, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng trú tại: Tổ dân phố 05, thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 26/02/2019, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Bà L và ông T chung sống với nhau vào năm 1989, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, bà L cho rằng, ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên hay cải nhau, ở chung một nhà nhưng không quan tâm đến nhau. Vì mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông T.

Về con chung: Ông T và bà L có 03 con chung là Nguyễn Thị Hoàng P, sinh năm 1989; Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1995 và Nguyễn Hoàng N, sinh

năm 1999. Hiện nay các cháu đều đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo nội dung lời khai của ông Nguyễn Thế T trong quá trình giải quyết vụ án:

Về hôn nhân, con chung và mâu thuẫn vợ chồng: Ông T đồng ý với lời trình bày của bà L. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông T đồng ý.

Về con chung, tài sản chung: Không yêu cầu.

Ngày 20/3/2019, ông Nguyễn Thế T và bà Lê Thị L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Căn cứ quy định tại Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật HNGĐ 2014, đề nghị HĐXX:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị L. Không công nhận quan hệ giữa bà Lê Thị L và ông Nguyễn Thế T là vợ chồng.
- Về con chung, tài sản chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.
- Về án phí: Bà Lê Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng:

[2.1] Đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn là ông Nguyễn Thế T có địa chỉ tại tổ dân phố 05, thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý là đúng quy định tại Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Ngày 20/3/2019 ông Nguyễn Thế T và bà Lê Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T và bà L là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L:

[3.1] Về hôn nhân: Vào năm 1989, bà L và ông T trên cơ sở tự nguyện đã chung sống với nhau như vợ chồng đến nay. Tuy không đăng ký kết hôn, nhưng được sự chứng kiến của hai bên họ hàng. Lẽ ra, khi đã là vợ chồng thì ông bà phải yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng một gia đình ấm no, hạnh phúc, bền vững. Nhưng trái lại, khi bước vào cuộc sống

chung thì cả hai cùng bộc lộ những tính cách khác nhau, lối sống trái ngược nhau, vợ chồng không thông cảm với nhau, không nhường nhịn nhau mà thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông T.

Trong quá trình tố tụng, ông Nguyễn Thế T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nên ông T đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, hôn nhân giữa ông T và bà L không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định tại Điều 14, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quan hệ giữa bà L và ông T không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nên cần chấp nhận yêu cầu của bà L, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị L và ông Nguyễn Thế T là quan hệ vợ chồng.

[3.2] Về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét để giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Lê Thị L phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 9; Điều 14; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị L. Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị L và ông Nguyễn Thế T là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung: Không yêu cầu.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003392 ngày 28/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Thị Mận